

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thanh Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Truyền Bình và ông Hoàng Minh Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 136/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST - DS ngày 10/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH M.**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, Tầng 2, Toà nhà PVL L, số 5 đường D, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đinh Quốc T – sinh năm: 1979. Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng. Địa chỉ: 89 H, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Văn bản uỷ quyền số 01/UQTA-GLX.22 ngày 01/4/2022 của bà Nguyễn Thị Huyền T – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH M; Văn bản uỷ quyền số 01/2022/UQ-SL ngày 05/5/2022 của ông Trương Ngọc Ánh – Chức vụ: Giám đốc Công ty Luật TNHH MTV Sunlaw) (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần P** – sinh năm: 1979

Địa chỉ: K528/H1Ô, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; (Vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH M, ông Đinh Quốc T trình bày:*

Ngày 17/3/2020, ông Trần P có ký Hợp đồng tín dụng số 20200xxx-5902xxx với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền

15.825.000đồng (*Mười lăm triệu tám trăm hai lăm ngàn đồng*) với lãi suất thỏa thuận 4.08%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Trần P có trách nhiệm thanh toán số tiền 23.312.484đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm mười hai ngàn bốn trăm tám bốn đồng*) (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng: 17 tháng đầu mỗi tháng trả 1.258.551đồng, tháng cuối cùng trả 1.917.117đồng. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty TNHH Ngân hàng Việt Nam T 5 lần với tổng số tiền trả là 6.395.102đồng. Kể từ ngày 09/9/2020 đến nay, ông P không thanh toán thêm bất cứ khoảng nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 29/6/2021, khoản nợ của ông Trần P đã được Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T (nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T) chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số VPB-G-21-00xx. Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần P thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

-Nợ gốc còn lại: 12.894.132đồng (*Mười hai triệu tám trăm chín bốn ngàn một trăm ba hai đồng*).

-Nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (04/10/2021): 4.023.250đồng (*Bốn triệu không trăm hai ba ngàn hai trăm năm mươi đồng*).

Tổng số tiền Công ty yêu cầu ông Trần P phải thanh toán là 16.917.382đồng (*Mười sáu triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm tám hai đồng*)

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Trần P đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông P đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH M với ông Trần P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là ông Trần P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2

Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần P.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 17/3/2020, ông Trần P có ký Hợp đồng tín dụng số 20200xxx-5902xxx với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 15.825.000đồng (*Mười lăm triệu tám trăm hai lăm ngàn đồng*) với lãi suất thỏa thuận 4.08%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Trần P có trách nhiệm thanh toán số tiền 23.312.484đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm mười hai ngàn bốn trăm tám bốn đồng*) (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng: 17 tháng đầu mỗi tháng trả 1.258.551đồng, tháng cuối cùng trả 1.917.117đồng, đây là hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Thực hiện hợp đồng, ông P đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty TNHH Ngân hàng Việt Nam T 5 lần với tổng số tiền trả là 6.395.102đồng. Kể từ ngày 09/9/2020 đến nay, ông P không thanh toán thêm bất cứ khoảng nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 29/6/2021, khoản nợ của ông Trần P đã được Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T (nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T) chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-xxx -21-00xx. Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần P thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc còn lại: 12.894.132đồng (*Mười hai triệu tám trăm chín bốn ngàn một trăm ba hai đồng*); Nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (04/10/2021): 4.023.250đồng (*Bốn triệu không trăm hai ba ngàn hai trăm năm mươi đồng*). Tổng số tiền Công ty yêu cầu ông Trần P phải thanh toán là 16.917.382đồng (*Mười sáu triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm tám hai đồng*)

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị đơn là ông P vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện P có ký Hợp đồng tín dụng số 20200318-5902365 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T vào ngày 17/3/2020. Ông P đã thực hiện giao dịch và thanh toán được 5 phân kỳ trả nợ như Ngân hàng trình bày là đúng. Từ ngày 09/9/2020 đến nay ông P đã vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên

là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là: $16.917.382 \times 5\% = 845.869$ đồng.

Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;
- Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Công ty TNHH M đối với ông Trần P.

Xử:

1. Buộc ông Trần P phải trả cho Công ty TNHH M số tiền: 16.917.382 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm mười bảy ngàn ba trăm tám hai đồng*) (trong đó: Nợ gốc còn lại: 12.894.132 đồng (*Mười hai triệu tám trăm chín bốn ngàn một trăm ba hai đồng*); Nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (04/10/2021): 4.023.250 đồng (*Bốn triệu không trăm hai ba ngàn hai trăm năm mươi đồng*)).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 845.869 đồng (*Tám trăm bốn lăm ngàn tám trăm sáu chín đồng*) ông Trần P phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí 422.934 đồng (*Bốn trăm hai hai ngàn chín trăm ba bốn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005941 ngày 27/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Anh